UBND PHƯỜNG QUẢNG PHÚ

Biểu số 118/CK TC-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Quyết toán đã được HĐND phường phê chuẩn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán năm		Quyết toán năm		So sánh QT/DT(%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định	Tổng số Chi NSĐP	Chi NS xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
A	*B*	*1*	*2*	*3=4+5+6*	*5*	*6=3:1*	*7=3:2*
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH**	**52.352,000000**	**52.352,000000**	**201.530,329783**	**201.530,329783**	**384,95**	**384,95**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**15.000,000000**	**15.000,000000**	**17.493,272680**	**17.493,272680**	**116,62**	**116,62**
1	**Chi đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do địa phương quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công và thực hiện nhiệm vụ chi quy định tại điểm d khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước, chi tiết theo từng lĩnh vực**	**15.000,000000**	**15.000,000000**	**17.493,272680**	**17.493,272680**	**116,62**	**116,62**
1.1	Chi quốc phòng, hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của NSTW	181,124000	181,124000	152,003000	152,003000	83,92	83,92
1.2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội, hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của NSTW		-	-	-		
1.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.042,688000	1.042,688000	3.055,444700	3.055,444700	293,04	293,04
1.4	Chi Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số		-	-	-		
1.5	Chi Y tế, dân số và gia đình		-	24,619000	24,619000		
1.6	Chi văn hóa, thông tin; phát thanh truyền thanh; thể dục thể thao	13.769,325000	13.769,325000	4.520,529000	4.520,529000	32,83	32,83
1.7	Chi Bảo vệ môi trường	6,863000	6,863000	-	-	-	-
1.8	Chi các hoạt động kinh tế			9.504,331642	9.504,331642		
1.9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể			236,345338	236,345338		
1.10	Chi Bảo đảm xã hội			-	-		
1.11	Chi ngành, lĩnh vực khác			-	-		
2	**Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của địa phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp của địa phương theo quy định của pháp luật**			-	-		

3	**Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương**			-	-		
4	**Chi đầu tư phát triển khác**			-	-		
II	**Chi trả nợ lãi vay theo quy định**			-	-		
III	**Chi thường xuyên**	**37.352,000000**	**37.352,000000**	**150.248,670991**	**150.248,670991**	**402,25**	**402,25**
2.1	Chi quốc phòng, hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của NSTW	1.485,000000	1.485,000000	2.659,925717	2.659,925717	179,12	179,12
2.2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội, hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của NSTW	1.450,000000	1.450,000000	1.186,870300	1.186,870300	81,85	81,85
2.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	120,000000	120,000000	58.691,042699	58.691,042699	48.909,20	48.909,20
2.4	Chi Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số		-	-	-		
2.5	Chi Y tế, dân số và gia đình	594,000000	594,000000	1.448,324051	1.448,324051	243,83	243,83
2.6	Chi văn hóa, thông tin; phát thanh truyền thanh; thể dục thể thao	1.469,000000	1.469,000000	5.810,368341	5.810,368341	395,53	395,53
2.7	Chi Bảo vệ môi trường	90,000000	90,000000	42,555996	42,555996	47,28	47,28
2.8	Chi các hoạt động kinh tế	3.479,000000	3.479,000000	9.206,584280	9.206,584280	264,63	264,63
2.9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	24.949,000000	24.949,000000	52.473,505893	52.473,505893	210,32	210,32
2.10	Chi Bảo đảm xã hội	2.676,000000	2.676,000000	18.594,437714	18.594,437714	694,86	694,86
2.11	Chi khác	659,000000	659,000000	135,056000	135,056000	20,49	20,49
2.12	Dự phòng ngân sách	381,000000	381,000000		-	-	-
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**			-	-		
V	**Chi viện trợ**			-	-		
VI	**Chi cho vay theo quy định của Chính phủ**			-			
VII	**Chi chuyển nguồn**			**33.788,386112**	**33.788,386112**		
VIII	**Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước**			-			
B	**CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI**			-			
1	Bổ sung cân đối			-			
2	Bổ sung có mục tiêu			-			
	Tr. đó: - Bằng nguồn vốn trong nước			-			
	- Bằng nguồn vốn ngoài nước			-			
C	**CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**			**140,447897**	**140,447897**		
	TỔNG SỐ (A+B+C)	**52.352,000000**	**52.352,000000**	**201.670,777680**	**201.670,777680**	**385,22**	**385,22**

Ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG GIAO DỊCH KBNN - KHU VỰC XIII

Ngày tháng năm
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

...., ngày tháng năm....
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

(Ký tên, đóng dấu) *(Ký tên, đóng dấu)* **CHỦ TỊCH**

Ghi chú:

Đây là mẫu chung cho cấp tỉnh, xã, khi báo cáo, dùng và in các chỉ tiêu thuộc phạm vi được giao quản lý của cấp tương ứng

- Cột (1) chỉ phản ánh những chỉ tiêu TW giao ở dòng tương ứng

(1) - Phản ánh các khoản chi từ nguồn thu đơn vị được để lại chi theo chế độ quy định